TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22- 7- 2020
Về việc: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Mạnh

2. Ông Phạm Quốc Vương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị H**, sinh năm 1993
Bị đơn: Anh **Điểu D**, sinh năm 1978
Cùng địa chỉ: Tổ 02, ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước.
(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2020,bản tự khai ngày 11/3/2020, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị H và anh Điểu D tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện nay là huyện H, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Điểu D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Điểu Hoàng L, sinh ngày 23/01/2013, Thị H L, sinh ngày 24/12/2015, vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản trong vụ án này.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 22/6/2020, các biên bản hòa giải, bị đơn anh Điểu D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời khai của chị Thị H về thời gian đăng ký kết hôn, nơi kết hôn và thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do về không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau. Nay chị Thị H làm đơn ly hôn thì anh Điểu D không đồng ý vì còn thương yêu vợ con và muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con chung.

Về con chung: Thống nhất với lời khai của chị Thị H về con chung. Trong trường hợp tòa án giải quyết ly hôn anh Điểu D đồng ý cho chị Thị H nuôi 02 con chung, anh Điểu D không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã xác định được vợ chồng chị Thị H, anh Điểu D có mâu thuẫn, không thể hòa giải đoàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị H đối với anh Điểu D. Về con chung giao 02 con chung cho chị Thị H nuôi dưỡng, do chị Thị H không đề cập yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị không xem xét, về tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có nên không xem xét. Án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với anh Điểu D có nơi cư trú tại xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh D là đúng quy định của pháp luật.

2]. Nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Thị H, anh Điểu D là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. Chị H cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được và và đã sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh D. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án nhân dân huyện H đã hòa giải đoàn tụ cũng như cho thời gian mục đích vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Tòa án tiến hành xác minh tại

địa phương ngày 24/6/2020 tại UBND xã P, huyện H thì được chính quyền địa phương cung cấp: Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Như vậy có cơ sở xác định lời trình bày của chị H là đúng, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Mặc dù anh D không đồng ý ly hôn nhưng cũng không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Thị H chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh Điểu D.

[3].Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Điểu Hoàng L, sinh ngày 23/01/2013, Thị H L, sinh ngày 24/12/2015 hiện tại đang ở cùng với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung Điểu Hoàng L, sinh ngày 23/01/2013 có nguyện vọng sống với chị H, con chung Anh D cũng đồng ý cho chị H nuôi 02 con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của con chung và quan điểm của anh D.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng trong vụ án nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung các đương sự khai không có nên cũng không xem xét giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Chị Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Tại phiên Tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, các đương sự, Hội đồng xét xử và nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 266, Khoản 2 Điều 688 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Thị H được ly hôn với anh Điểu D *(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2012, quyển số 01/2012 ngày 03/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước).*

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Điểu Hoàng L, sinh ngày 23/01/2013, Thị H L, sinh ngày 24/12/2015 cho chị Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên không xem xét

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên không xem xét. Nợ chung các đương sự khai không có nên cũng không xem xét giải quyết trong vụ án.

5. Về án phí: Chị Thị H chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001840 ngày 10/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cơ quan ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hồng